

BIỂU SỐ 17/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC KINH DOANH THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM

- **Dòng 1 (Số vụ, việc Tòa án xét kháng cáo quá hạn):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn trong kỳ thống kê (đã ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn) (Điều 275 BLTTDS).

- **Dòng 2 (Tr. đó: Số vụ, việc Tòa án chấp nhận kháng cáo quá hạn):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận kháng cáo quá hạn trong kỳ thống kê

- **Dòng 3 (Số vụ, việc VKS tham gia phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn mà có sự tham gia của KSV trong kỳ thống kê.

- **Dòng 4 (Số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới (kháng nghị trên một cấp):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có quyết định kháng nghị trong kỳ thống kê đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp dưới (chỉ áp dụng cho VKS cấp tỉnh và các Viện cấp cao).

Lưu ý:

+ Kháng nghị đối với bản án, quyết định sơ thẩm giải quyết vụ án thống kê vào cột số vụ.

+ Kháng nghị đối với các quyết định giải quyết việc (việc yêu cầu ...) thống kê vào cột số việc.

- **Dòng 5 (Số vụ, việc VKS kháng nghị đối với bản án, quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại, lao động):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm, quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại, lao động của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê (Điều 280, 442, 461, 371 BLTTDS).

- **Dòng 6 (Số vụ án VKS kháng nghị đối với các QĐ đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với các QĐ đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án (Điều 280, 442, 461 BLTTDS).

- **Dòng 7 (Số vụ, việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ, việc còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 8 (Số vụ, việc tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ, việc đã có quyết định tạm đình chỉ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm từ các kỳ thống kê trước nhưng đến kỳ

thống kê này, Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vì lý do tạm đình chỉ không còn (Điều 288 BLTTDS). Lưu ý: Số này không nằm trong số vụ, việc còn lại của kỳ trước vì đã có quyết định tạm đình chỉ.

- **Dòng 9 (Số vụ, việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê (Điều 285 BLTTDS).

Dòng 9 = Tổng số các Dòng từ 10 đến 24

- **Từ dòng 10 đến dòng 24:** Căn cứ vào quyết định thụ lý của Tòa án để thống kê vào một dòng, cột tương ứng với mỗi loại vụ, việc.

- **Dòng 25 (Số vụ, việc Tòa án gửi thông báo cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số vụ, việc mới thụ lý theo thủ tục phúc thẩm (thuộc dòng 9) mà Tòa án chậm gửi thông báo thụ lý cho VKS (Điều 285 BLTTDS).

- **Dòng 26 (Tổng số vụ, việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số vụ, việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: Tổng số vụ, việc VKS thụ lý = số cũ + số mới + số vụ, việc tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê

Dòng 26 = Dòng 7 + Dòng 8 + Dòng 9.

- **Dòng 27 (Số vụ, việc VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ):** Thống kê số vụ, việc VKS có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trong kỳ thống kê để giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Vụ việc đó có thể là vụ việc cũ, có thể là vụ việc mới nhưng trong kỳ thống kê VKS mới có văn bản yêu cầu (Khoản 3 Điều 58 BLTTDS).

- **Dòng 28 (Số vụ, việc Tòa án thực hiện yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của VKS):** Thống kê số vụ, việc VKS đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê (Yêu cầu có thể ở kỳ thống kê trước hoặc trong kỳ thống kê nhưng Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê).

- **Dòng 29 (Số vụ, việc VKS có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ, việc VKS có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu chứng cứ theo Khoản 4 Điều 106 BLTTDS. Vụ việc đó có thể là vụ việc cũ, có thể là vụ việc mới nhưng trong kỳ thống kê VKS mới có văn bản yêu cầu.

- **Dòng 30 (Số vụ, việc VKS thu thập tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ, việc VKS tự thu thập tài liệu, chứng cứ trong kỳ thống kê để bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 97 BLTTDS.

- **Dòng 31 (Số vụ, việc Tòa án đã giải quyết xong):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã giải quyết xong ở cấp phúc thẩm trong kỳ thống kê. Các quyết định giải quyết gồm: quyết định đình chỉ, bản án hoặc quyết định (đối với phiên họp).

- **Dòng 32 (Tr. đó: Số vụ, việc Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trước phiên tòa):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong kỳ thống kê trên cơ sở biên bản hòa giải thành (biên bản hòa giải thành có thể được lập trong kỳ thống kê hoặc ở kỳ thống kê trước) (khoản 1 Điều 212).

- **Dòng 33 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm trong kỳ thống kê theo quy định tại Điều 289, điểm c khoản 2 Điều 373 BLTTDS.

- **Dòng 34 (Tr. đó: Do đương sự rút đơn kháng cáo) :** Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm do đương sự rút kháng cáo trong kỳ thống kê (Đ289, 375 BLTTDS).

- **Dòng 35 (Do VKS rút kháng nghị)** Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm do VKS rút kháng nghị (Đ289, 375 BLTTDS)

- **Dòng 36 (Tr. đó: Do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới):** Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới

- **Dòng 37 (Số vụ, việc Tòa án đã xét xử hoặc đã mở phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã xét xử hoặc đã mở phiên họp phúc thẩm trong kỳ thống kê (đã xét xử xong).

Lưu ý:

- Những vụ Tòa án đã xét xử phúc thẩm hoặc mở phiên họp phúc thẩm đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thì thống kê vào cột số vụ.

- Những việc Tòa án đã mở phiên họp phúc thẩm quyết định giải quyết việc dân sự, hôn nhân gia đình... (Điều 375 443, 462 BLTTDS) thì thống kê vào cột số việc.

- **Dòng 38 (Tr. đó: Số vụ, việc có kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã xét xử hoặc đã mở phiên họp phúc thẩm mà có sự tham gia của KSV trong kỳ thống kê.

- **Dòng 39 (Số vụ, việc VKS kháng nghị):** Thống kê số vụ, việc VKS đã kháng nghị mà Tòa án đã xét xử hoặc đã mở phiên họp phúc thẩm trong kỳ thống kê (kháng nghị có thể của kỳ thống kê trước).

- **Dòng 40 (Tr. đó: Số vụ, việc Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ, việc Tòa án đã xét xử hoặc đã mở phiên họp phúc thẩm trong kỳ thống kê và chấp nhận một phần hoặc toàn bộ kháng nghị của VKS.

- **Dòng 41 (Số vụ, việc Tòa án giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án,

quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị (khoản 1 Điều 308 điểm a khoản 5 Điều 314 và (điểm a khoản 3) Điều 375, 443, 462 BLTTDS).

- **Dòng 42 (Số vụ, việc Tòa án sửa bản án, quyết định sơ thẩm):** thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm (khoản 2 Điều 308, điểm b khoản 5 Điều 314 và (điểm b khoản 3) Điều 375, 443, 462 BLTTDS).

- **Dòng 43 (Tr. đó: Số vụ án Tòa án sửa bản án do sự thỏa thuận của đương sự):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của đương sự (Điều 300 BLTTDS).

- **Dòng 44 (Theo kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ án hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm theo hướng kháng nghị của VKS.

- **Dòng 45 (Số vụ, việc do lỗi của cấp sơ thẩm):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm do lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm.

- **Dòng 46 (Số vụ, việc Tòa án huỷ bản án, quyết định sơ thẩm... và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ, việc):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án (khoản 3 Điều 308, điểm c khoản 5 Điều 314 và điểm c khoản 3 Điều 375, (điểm d khoản 3) Điều 443, 462 BLTTDS).

- **Dòng 47 (Tr. đó: Theo kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ, việc cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng kháng nghị của VKS (dòng 47 nằm trong dòng 46).

- **Dòng 48 (Số vụ, việc do lỗi của cấp sơ thẩm):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm.

- **Dòng 49 (Số vụ, việc Tòa án huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ việc):** Thống kê số vụ, việc Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ, việc (khoản 4 Điều 308 và điểm d khoản 3 Điều 375, (điểm e khoản 3) Điều 443, 462 BLTTDS).

- **Dòng 50 (Tr. đó: Số vụ án Tòa án huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện (Điều 299 BLTTDS).

- **Dòng 51 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ tại phiên tòa, phiên họp):** Thống kê số vụ, việc HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử, xét đơn yêu cầu theo thủ tục phúc thẩm và giữ nguyên bản án, quyết định (khoản 5 Điều 308 và điểm đ khoản 3 Điều 375, (điểm d khoản 3) Điều 443, 462 BLTTDS).

- **Dòng 52 (Do đương sự rút đơn kháng cáo)** : Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm do đương sự rút kháng cáo trong kỳ thống kê (Đ289, 375 BLTTDS)

- **Dòng 53 (Do VKS rút kháng nghị)**: Thống kê số vụ, việc HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử do VKS rút kháng nghị (Đ289, 375 BLTTDS)

- **Dòng 54 (Tr. đó: Do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới)**: Thống kê số vụ, việc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới

- **Dòng 55 (Số vụ, việc VKS tổ chức tham gia phiên tòa, phiên họp rút kinh nghiệm)**: Thống kê số vụ, việc VKS đã tổ chức tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm trong kỳ thống kê (Lưu ý : Không thống kê phiên tòa do TA tổ chức).

- **Dòng 56 (Số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia)**: Thống kê số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia trong kỳ thống kê (Điều 75 BLTTDS).

- **Dòng 57 (Tr.đó: số vụ án có luật sư)**: Thống kê số vụ án có luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư trong kỳ thống kê (Điểm a, Khoản 2, Điều 75 BLTTDS).

- **Dòng 58 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê)**: Thống kê số vụ, việc Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm, tạm đình chỉ giải quyết kháng cáo, kháng nghị trong kỳ thống kê, (khoản 6 Điều 308, điểm c khoản 3 Điều 443, điểm c khoản 3 Điều 462 BLTTDS).

- **Dòng 59 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê)**: Thống kê các vụ, việc Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm, tạm đình chỉ giải quyết kháng cáo, kháng nghị từ các kỳ thống kê trước, trong kỳ thống kê này và đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê các vụ, việc đó vẫn chưa được Tòa án đưa ra để giải quyết tiếp

Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê = Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ thống kê trước + Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê - Số vụ, việc TĐC được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê (*Dòng 59 = Dòng 59 của kỳ thống kê trước + Dòng 58 - Dòng 8*).

- **Dòng 60 (Số bản án, quyết định Tòa án gửi cho VKS)**: Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 61 (Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát)**: Thống kê số bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án cùng cấp, VKS cấp dưới đã chuyển đến và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 62 (Số bản án, quyết định do VKS cấp dưới chuyển đến)** Thống kê số bản án, quyết định VKS cấp dưới đã chuyển đến và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 63 (Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về thời hạn (quy định tại Điều 286, 291, 315 ...BLTTDS), vi phạm về nội dung hoặc hình thức.

- **Dòng 64 (Tr. đó: Số bản án, quyết định tòa án gửi cho VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm.

- **Dòng 65 (Số vụ, việc báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm):** Thống kê số vụ, việc đã có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cùng cấp nhưng Viện kiểm sát thấy có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và đã có văn bản báo cáo VKS cấp trên kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 66 (Số vụ, việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ, việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 67 (Tr. đó: Số vụ, việc quá hạn luật định):** Thống kê số vụ, việc Tòa án chưa giải quyết hoặc chưa giải quyết xong nhưng đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 286, 296 BLTTDS).

- **Dòng 68 (Số QĐ giám định lại của VKSNDTC):** Thống kê số QĐ giám định lại của VKSNDTC trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật... (Khoản 5 Điều 102 BLTTDS).

- **Dòng 69 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án trong kỳ thống kê gồm: Tổng số kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước).

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 16, 17, 18), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa. Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động đã thống kê vào cột án kinh doanh thương mại rồi thì không thống kê vào cột án lao động nữa, đã thống kê vào số vụ thì không thống kê vào số việc nữa.v.v. Nếu bản kiến nghị về từng vụ, việc thì thống kê vào cột tương ứng.

- **Dòng 70(Tr. đó: Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong kỳ

thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 140 BLTTDS).

- **Dòng 71 (Về áp dụng thủ tục rút gọn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về áp dụng thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 319 BLTTDS).

- **Dòng 72 (Về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn.

- **Dòng 73 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án đã có văn bản của Tòa án về việc chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 74 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận)** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã có văn bản của Tòa án về việc không chấp nhận kiến nghị trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 75 (Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát giải quyết vụ, việc kinh doanh, thương mại, lao động trong kỳ thống kê.

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 16, 17, 18), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa. Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị vụ, việc kinh doanh, thương mại, lao động đã thống kê vào cột án kinh doanh, thương mại rồi thì không thống kê vào cột án lao động nữa, đã thống kê vào số vụ thì không thống kê vào số việc nữa.v.v. Nếu bản kiến nghị về từng vụ, việc thì thống kê vào cột tương ứng.